

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ SHB
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hà	Chủ tịch
Ông Trần Anh Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tự Hào	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Anh Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Vinh	Giám đốc kỹ thuật
Bà Phạm Thanh Dung	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Anh Anh
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 409 /2025/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2025, từ trang 06 đến trang 25 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán tại ngày 31/12/2024 của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận số dư đầy đủ với giá trị lần lượt là 9.129.814.833 đồng và 2.781.676.633 đồng (Tại 01/01/2024 lần lượt là 9.661.532.333 đồng và 2.781.676.633 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của số dư các công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Chúng tôi không thu thập được đối chiếu, xác nhận số dư vốn góp và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà. Theo đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ý kiến về giá trị khoản đầu tư cũng như việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) của Công ty đến khoản đầu tư nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty

Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán và các khoản phải thu không xác định thời hạn, không có tài sản đảm bảo nhưng chưa đầy đủ, với tổng giá trị vào ngày 31/12/2024 là 31.297.650.109 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 30.125.560.297 đồng), đã trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2024 là 6.342.374.506 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 6.342.374.506 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi hoặc điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:

0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Hoàng Thị Nga

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:

4079-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.208.274.069	28.725.266.625
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.833.344	6.233.443
Tiền	111		5.833.344	6.233.443
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.975.016.409	28.436.168.409
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	25.783.363.538	25.652.783.538
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.005.836.980	295.568.980
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.528.190.397	8.830.190.397
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.342.374.506)	(6.342.374.506)
Hàng tồn kho	140	9	77.472.033	77.472.033
Hàng tồn kho	141		77.472.033	77.472.033
Tài sản ngắn hạn khác	150		149.952.283	205.392.740
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	55.440.457
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	149.952.283	149.952.283
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.856.353.467	2.590.661.187
Tài sản cố định	220	11	1.006.058.922	1.740.366.642
Tài sản cố định hữu hình	221		1.006.058.922	1.740.366.642
- Nguyên giá	222		15.492.144.017	15.492.144.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.486.085.095)	(13.751.777.375)
Tài sản dở dang dài hạn	240		350.294.545	350.294.545
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	350.294.545	350.294.545
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	500.000.000	500.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		32.064.627.536	31.315.927.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.079.305.695	6.086.377.204
Nợ ngắn hạn	310		5.990.019.984	5.913.758.159
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.850.862.202	4.850.862.202
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		402.414.129	264.254.129
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	286.824.195	328.506.045
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	5.216.325
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	378.040.886	393.040.886
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	71.428.572	71.428.572
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		450.000	450.000
Nợ dài hạn	330		89.285.711	172.619.045
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	89.285.711	172.619.045
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.985.321.841	25.229.550.608
Vốn chủ sở hữu	410	16	25.985.321.841	25.229.550.608
Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.849.000.000	48.849.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.849.000.000	48.849.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.497.359.589)	(22.253.130.822)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.253.130.822)	(20.720.289.441)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		755.771.233	(1.532.841.381)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		32.064.627.536	31.315.927.812

Hòa Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Phạm Thanh Dung

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Dung

Tổng Giám đốc

Trần Anh Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	7.994.499.635	981.128.868
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.994.499.635	981.128.868
Giá vốn hàng bán	11	18	5.776.088.905	915.782.195
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.218.410.730	65.346.673
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	48.101	14.842
Chi phí tài chính	22	20	23.120.178	37.502.345
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.120.178	37.502.345
Chi phí bán hàng	25	21	131.285.460	230.084.086
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.293.058.131	1.302.880.070
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		770.995.062	(1.505.104.986)
Thu nhập khác	31		-	1.104.334
Chi phí khác	32	22	15.223.829	28.840.729
Lợi nhuận khác	40		(15.223.829)	(27.736.395)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		755.771.233	(1.532.841.381)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		755.771.233	(1.532.841.381)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	23	158	(320)

Hòa Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Phạm Thanh Dung

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Dung

Tổng Giám đốc

Trần Anh Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		755.771.233	(1.532.841.381)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		734.307.720	734.307.720
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(48.101)	(14.842)
Chi phí lãi vay	06		23.120.178	37.502.345
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.513.151.030	(761.046.158)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.483.407.543)	1.338.811.717
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	6.209.306
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		76.261.825	(889.232.290)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	375.728.216
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.120.178)	(37.502.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82.885.134	32.968.446
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		48.101	14.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		48.101	14.842
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(83.333.334)	(59.523.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(83.333.334)	(59.523.810)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(400.099)	(26.540.522)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.233.443	32.773.965
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	5.833.344	6.233.443

Hòa Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Dung

Phạm Thanh Dung

Trần Anh Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, Công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2021.

Tên tiếng Anh: SHB Trading Investment Joint Stock Company.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 9, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 06/08/2014 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 03 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 03 nhân viên).

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận chuyển; khai thác đá vôi;
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

4.4 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí xây lắp, thiết bị, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa xem xét trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà xưởng vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ không trích lập dự phòng.

4.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.8 NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng niên độ kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; lỗ do bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành tại Việt Nam.

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	2.090.140	2.115.196
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.743.204	4.118.247
	5.833.344	6.233.443

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án cảng mở rộng (*)	350.294.545	350.294.545
	350.294.545	350.294.545

- (*) Tên dự án “Nâng cấp, mở rộng cảng Nhà máy Xi măng Sông Đà, Tỉnh Hòa Bình”
Địa điểm: Tổ 9, Phường Tân Hòa, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
Mục tiêu dự án: Cảng vận chuyển hàng hóa, hành khách.
Tại thời điểm 31/12/2024, dự án đang tạm dừng do Công ty chưa được cấp giấy phép đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	25.783.363.538	6.342.374.506	25.652.783.538	6.342.374.506
- Công ty TNHH TM 01 thành viên Đại Hùng Cường	309.316.750	309.316.750	309.316.750	309.316.750
- Công ty CP VLXD CN sạch Sông Đà	382.226.087	382.226.087	382.226.087	382.226.087
- Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	14.778.569.743	-	14.778.569.743	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Phong	1.656.049.041	-	1.656.049.041	-
- Bà Chu Ánh Tuyết	840.068.000	840.068.000	840.068.000	840.068.000
- Công nợ của XN 12.6 chuyển sang	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074
- Công ty Cổ phần Bé tông Thăng Long Hòa Bình	497.297.500	-	497.297.500	-
- Công ty CPTM Hưng Ngọc Phú Thọ	353.040.771	-	353.040.771	-
- Phải thu khách hàng khác	5.798.259.572	3.642.227.595	5.667.679.572	3.642.227.595
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	14.778.569.743	-	14.778.569.743	-
(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 26)				

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	9.528.190.397	-	8.830.190.397	-
- Tạm ứng	3.948.000.000	-	2.950.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hà (*)	5.413.700.000	-	5.713.700.000	-
- Các khoản phải thu khác	166.490.397	-	166.490.397	-
Phải thu khác là các bên liên quan	5.413.700.000	-	5.713.700.000	-
(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 26)				

(*) Là các khoản cho mượn tiền với thời hạn không xác định, lãi suất 0%/năm, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. HÀNG TỒN KHO

31/12/2024		01/01/2024	
Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
77.472.033	-	77.472.033	-
77.472.033	-	77.472.033	-

- Hàng hóa

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
500.000.000	-	500.000.000	-
500.000.000	-	500.000.000	-
500.000.000	-	500.000.000	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (*)

(*) Khoản đầu tư mua 3.125 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà với giá mua 160.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ		Cộng
	VND	VND	VND	hữu hình	khác	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	10.498.224.024	1.525.049.712	2.514.757.619	954.112.662		15.492.144.017
31/12/2024	10.498.224.024	1.525.049.712	2.514.757.619	954.112.662		15.492.144.017
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	10.456.393.633	1.208.345.524	1.802.443.404	284.594.814		13.751.777.375
- Phân loại lại	(359.997.288)	6	1.411.672	358.585.610		-
- Khấu hao trong năm	160.117.104	105.568.056	325.388.988	143.233.572		734.307.720
31/12/2024	10.256.513.449	1.313.913.586	2.129.244.064	786.413.996		14.486.085.095
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	41.830.391	316.704.188	712.314.215	669.517.848		1.740.366.642
31/12/2024	241.710.575	211.136.126	385.513.555	167.698.666		1.006.058.922

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.619.494.990 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 10.619.494.990 đồng).

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.115.502 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 163.400.962 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.850.862.202	4.850.862.202	4.850.862.202	4.850.862.202
- Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	74.607.089	74.607.089	74.607.089	74.607.089
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	767.589.681	767.589.681	767.589.681	767.589.681
- Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.686.385.569	1.686.385.569	1.686.385.569	1.686.385.569
- Công ty TNHH CHB Việt Nam	654.082.400	654.082.400	654.082.400	654.082.400
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xây dựng Tây Sơn	603.558.050	603.558.050	603.558.050	603.558.050
- Các đối tượng khác	1.064.639.413	1.064.639.413	1.064.639.413	1.064.639.413
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 26)	74.607.089	74.607.089	74.607.089	74.607.089

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
	Số phải nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	328.506.045	1.542.325.114	1.584.006.964	286.824.195		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	780.599.565	636.286.994	144.312.571		
- Thuế thu nhập cá nhân	19.230.819	-	-	19.230.819		
- Thuế tài nguyên	33.130.338	-	-	33.130.338		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	185.994.421	761.725.549	947.719.970	-		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467	-	-	90.150.467		
Thuế và các khoản phải thu	149.952.283	-	-	149.952.283		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.952.283	-	-	149.952.283		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	58.569.707	58.569.707
- Bảo hiểm xã hội	295.504.014	310.504.014
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.967.165	23.967.165
	378.040.886	393.040.886

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	Trong năm			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND		VND
Vay dài hạn đến hạn trả	71.428.572	71.428.572	83.333.334	83.333.334
- Công ty TFSVN (1)	71.428.572	71.428.572	83.333.334	83.333.334
Vay dài hạn	89.285.711	89.285.711	-	83.333.334
- Công ty TFSVN (1)	89.285.711	89.285.711	-	83.333.334
	160.714.283	160.714.283	83.333.334	166.666.668
				244.047.617

(1) Là khoản vay theo hợp đồng cho vay giữa Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (TFSVN) và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB, mục đích vay để mua ô tô Toyota Hilux 28C-06280, lãi suất ban đầu 6,99%/365 ngày, lãi suất này được áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân, TFSVN được điều chỉnh lãi suất vay 3 tháng/lần căn cứ theo lãi suất của TFSVN áp dụng tại thời điểm chỉnh theo chính sách lãi suất của TFSVN. Thời hạn cho vay là 84 tháng, vay theo hình thức thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	48.849.000.000	(1.366.318.570)	(20.720.289.441)	26.762.391.989
- Lỗ trong năm	-	-	(1.532.841.381)	(1.532.841.381)
31/12/2023	48.849.000.000	(1.366.318.570)	(22.253.130.822)	25.229.550.608
01/01/2024	48.849.000.000	(1.366.318.570)	(22.253.130.822)	25.229.550.608
- Lãi trong năm nay	-	-	755.771.233	755.771.233
31/12/2024	48.849.000.000	(1.366.318.570)	(21.497.359.589)	25.985.321.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
+ Vốn góp đầu năm	48.849.000.000	48.849.000.000
+ Vốn góp cuối năm	48.849.000.000	48.849.000.000

16.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.884.900	4.884.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.884.900	4.884.900
+ Cổ phiếu phổ thông	4.884.900	4.884.900
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(92.400)	(92.400)
+ Cổ phiếu phổ thông	(92.400)	(92.400)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.792.500	4.792.500
+ Cổ phiếu phổ thông	4.792.500	4.792.500
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.994.499.635	981.128.868
	7.994.499.635	981.128.868

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.776.088.905	915.782.195
	5.776.088.905	915.782.195

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.101	14.842
	48.101	14.842

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	23.120.178	37.502.345
	23.120.178	37.502.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.293.058.131	1.302.880.070
- Chi phí nhân viên quản lý	103.279.733	132.371.631
- Chi phí khấu hao	460.113.168	460.113.168
- Thuế phí, lệ phí	496.305.557	181.560.189
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.539.513	418.285.307
- Chi phí quản lý khác	89.820.160	110.549.775
Các khoản chi phí bán hàng	131.285.460	230.084.086
- Chi phí nhân viên bán hàng	-	41.776.230
- Chi phí khấu hao TSCĐ	131.285.460	131.285.460
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	57.022.396

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản bị phạt	15.223.829	28.840.729
	15.223.829	28.840.729

23. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	755.771.233	(1.532.841.381)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	4.792.500	4.792.500
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	158	(320)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.665.736.728	699.128.182
- Chi phí nhân công	103.279.733	174.147.861
- Khấu hao tài sản cố định	734.307.720	591.398.628
- Thuế phí, lệ phí	496.305.557	181.560.189
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.110.982.598	691.961.716
- Chi phí bằng tiền khác	89.820.160	110.549.775
	7.200.432.496	2.448.746.351

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong năm 2024 bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cổ đông lớn
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	Chi nhánh của Cổ đông lớn
3	Bà Nguyễn Thị Hà	Chủ tịch HĐQT

BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Thu nhập của ban Giám đốc

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Ông Trần Anh Anh - Tổng Giám đốc	47.902.451	68.381.654

GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu tiền mượn	300.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hà	300.000.000	-
Chi phí bảo hiểm Chi nhánh nộp thay	9.972.480	-
- Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	9.972.480	-
Thanh toán tiền bảo hiểm Chi nhánh nộp thay	9.972.480	-
- Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	9.972.480	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	14.778.569.743	14.778.569.743
- Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	14.778.569.743	14.778.569.743
Phải thu khác	5.413.700.000	5.713.700.000
- Bà Nguyễn Thị Hà	5.413.700.000	5.713.700.000
Phải trả người bán	74.607.089	74.607.089
- Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	74.607.089	74.607.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư SHB đã được kiểm toán.

Hòa Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập



Phạm Thanh Dung

Kế toán trưởng



Phạm Thanh Dung

Tổng Giám đốc



Trần Anh Anh